

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 49 /2024/DS-PT

Ngày 18 – 01 - 2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Bình.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 511/2023/TLPT-DS ngày 28/11/2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1002/2023/QĐ-PT ngày 06/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Yến E**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: **ấp K, xã P, huyện TP, tỉnh Tiền Giang**.

- *Bị đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1954 (có mặt);

2. Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1952 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: **ấp M, xã P, huyện TP, tỉnh Tiền Giang**.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Võ Thị Bước E1**, sinh năm 1986 (có mặt);

Địa chỉ: **ấp M, xã P, huyện TP, tỉnh Tiền Giang**.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà **Nguyễn Thị Đ**; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Võ Thị Bước E1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm; nguyên đơn bà **Hồ Thị Yến E** trình bày:

Vào ngày 10/7/2022 âm lịch, bà có cho bà **Nguyễn Thị Đ** vay số tiền 350.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 10/11/2022 âm lịch. Do bà **Đ** không biết chữ nên bà **Võ Thị Bức E1** có ký xác nhận và bảo lãnh việc bà **Đ** vay tiền của bà. Sau khi vay, bà **Đ** không trả lãi hàng tháng cho bà. Khi đến hạn, bà có yêu cầu bà **Đ** trả nợ cho bà, nhưng bà **Đ** không thực hiện. Thời điểm bà **Đ** vay tiền của bà, bà **Đ** là vợ hợp pháp của ông **Võ Văn B**, số tiền bà **Đ** vay để làm kinh tế gia đình.

Bà yêu cầu Toà án giải quyết: buộc bà **Đ**, ông **B**, bà **Bức E1** liên đới trả cho bà số tiền vay là 350.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/7/2022 âm lịch đến ngày Toà án xét xử.

* Bị đơn bà **Nguyễn Thị Đ** trình bày:

Chị **Võ Thị Bức E1** (con ruột bà) vay tiền của chị **Hồ Thị Yến E** số tiền 350.000.000 đồng vào thời gian nào bà không biết. Khi chị **Bức E1** về nói với bà là không có khả năng trả tiền lãi tiếp cho chị **Yến E** thì bà mới biết.

Ngày 10/7/2022 âm lịch, bà và chị **Bức E1** đến nhà chị **Yến E** để năn nỉ và xin cho bà và chị **B1** Em trả dần số tiền nợ gốc, bà và chị **Bức E1** có ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022 do chị **Yến E** làm. Bà có ký tên là gạch chéo vào biên nhận, con bà là chị **Bức E1** ghi họ tên bà và chị **Bức E1** có ký tên và ghi họ tên chị **Bức E1**; chồng bà là ông **Võ Văn B** không biết việc chị **Bức E1** vay tiền của chị **Yến E**. Qua yêu cầu của chị **Yến E**, bà và chị **B1** Em đồng ý trả cho chị **Yến E** số tiền 350.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không trả tiền lãi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị Bức E1** trình bày:

Chị có vay của chị **Hồ Thị Yến E** hai lần:

Lần 1: số tiền vay là 70.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 60.000 đồng trên số tiền vay 1.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ. Sau khi vay, chị có trả lãi nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, trả lãi không có làm giấy;

Lần 2: số tiền vay là 250.000.000 đồng, lãi suất mỗi tháng là 150.000 đồng trên số tiền vay 1.000.000 đồng, thời gian vay không nhớ. Sau khi vay, chị có trả lãi nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu, trả lãi không có làm giấy.

Đến tháng 6/2022, chị ngưng trả lãi cho chị **Yến E** do không còn khả năng trả. Ngày 10/7/2022 âm lịch, chị và mẹ chị là bà **Nguyễn Thị Đ** đến nhà chị **Hồ Thị Yến E** để năn nỉ và xin trả dần số tiền đã vay. Chị **Yến E** có đưa cho chị và mẹ chị là bà **Đ** ký tên vào biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022, số tiền theo biên nhận là 350.000.000 đồng, trong đó tiền chị vay 02 lần là 320.000.000 đồng và 30.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền vay khác trước đó. Mẹ chị là bà **Đ** có ký tên (gạch chéo) vào biên nhận, chị ghi họ tên bà **Đ**, chị ký tên và ghi họ tên chị vào biên nhận.

Nay, chị thống nhất với ý kiến của bà **Đ**, chị và bà **Đ** đồng ý trả số tiền gốc

là 350.000.000 đồng cho chị **Yến E**, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, xin không trả lãi.

* Đối với bị đơn ông **Võ Văn B**, trong quá trình tố tụng ông đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà **Yến E**.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện TPc, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào: Điều 463, 466, 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Hồ Thị Yến E**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Đ**, ông **Võ Văn B**, bà **Nguyễn Thị Bức E2** liên đới trả cho bà **Hồ Thị Yến E** số tiền 419.720.000 đồng (*bốn trăm mười chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí:

Buộc bà **Nguyễn Thị Đ**, ông **Võ Văn B**, bà **Nguyễn Thị Bức E2** liên đới chịu 20.788.800 đồng (*hai mươi triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà **Hồ Thị Yến E** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.912.000 đồng (*chín triệu chín trăm mười hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020020 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 29/8/2023, bị đơn bà **Nguyễn Thị Đ** có đơn kháng cáo yêu cầu: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hồ Thị Yến E** về việc buộc bà **Nguyễn Thị Đ** và ông **Võ Văn B** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị **Yến E** số tiền 350.000.000 đồng; chấp nhận cho chị **B1** Em trả toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng cho chị **Yến E**.

* Ngày 29/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Võ Thị Bức E1** có đơn kháng cáo yêu cầu: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn chị **Hồ Thị Yến E** về việc buộc bà **Nguyễn Thị Đ** và ông **Võ Văn B** có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị **Yến E** số tiền 350.000.000 đồng; chấp nhận cho chị **B1** Em trả toàn bộ số tiền 350.000.000 đồng cho chị **Yến E**.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Bà **Nguyễn Thị Đ** và chị **Võ Thị BƯỚC E1** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Chị **Hồ Thị Yến E** không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà **Đ** và chị **BƯỚC E1**, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị **Yến E** cho rằng bị đơn bà **Đ** mượn tiền để xoay sở kinh tế gia đình, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Bà **Đ** và chị **BƯỚC E1** xác định: mặc dù bà **Đ** và ông **B** còn tồn tại quan hệ hôn nhân, nhưng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay, ông **B** không biết việc vay tiền giữa bà **Đ**, chị **B1** với chị **Yến E**. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông **B** liên đới với bà **Đ**, chị **B1** Em trả tiền vốn vay và tiền lãi cho chị **Yến E**, là không có căn cứ. Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn chị **Yến E** xác định chị **BƯỚC E1** ký tên trong Biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022 với tư cách bảo lãnh việc bà **Đ** mượn tiền của chị; nhưng chị **B1** Em đồng ý một mình trả tiền vốn vay và tiền lãi cho chị **Yến E**.

Bà **Đ** và chị **BƯỚC E1** kháng cáo yêu cầu chỉ buộc một mình chị **B1** Em trả cho chị **Yến E**, do đây là khoản nợ của chị **BƯỚC E1** vay của chị **Yến E**, nhưng bà **Đ** và chị **BƯỚC E1** không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Chị **Yến E** không thừa nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bà **Đ**, chị **BƯỚC E1** về việc không buộc ông **B** liên đới với bà **Đ**, chị **B1** Em trả tiền vốn vay và tiền lãi cho chị **Yến E**; sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông **Võ Văn B** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông **B**.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và chị Võ Thị Bước E1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022 (Bút lục 02) có nội dung: “Tôi Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954 có mượn tiền của bà Hồ Thị Yến E số tiền 350.000.000 đồng (lãi suất 2%), đến ngày 10/11/2022 (AL) sẽ hoàn trả đầy đủ”; cuối biên nhận người nhận tiền bà Nguyễn Thị Đ đánh dấu chéo, chị Võ Thị Bước E1 ký tên và ghi “con ký phụ mẹ”, không có chữ ký của ông Võ Văn B, không thể hiện ngày 10/7/2022 là ngày âm lịch.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ xác định không có vay tiền của chị Hồ Thị Yến E, mà do con bà là chị Võ Thị Bước E1 vay tiền của chị Yến E, bà không biết; đến khi chị Bước E1 không còn khả năng trả lãi cho chị Yến E nên yêu cầu bà cùng đến nhà chị Yến E để xin trả phần vốn gốc và xin trả dần. Bà thừa nhận có đánh dấu chéo vào biên nhận ngày 10-7-2022 do chị Yến E cung cấp, do bà không biết chữ. Bà Đ yêu cầu: chỉ một mình chị B1 Em trả tiền vay của chị Yến E và xin được trả dần. Bà Đ xác định: việc vay mượn tiền của chị Bước E1 thì ông B không biết; bà và ông B đã ly thân từ năm 2013 đến nay.

Chị Võ Thị Bước E1 xác định: Chị có vay tiền của chị Yến E 02 lần, tổng cộng tiền vốn là 320.000.000 đồng. Ngày 10/7/2022 chị Yến E yêu cầu chị và bà Đ (mẹ ruột của chị) ký tên vào Biên nhận mượn tiền với số tiền 350.000.000 đồng. Chị xác định trong số tiền 350.000.000 đồng có 320.000.000 đồng tiền vốn và 30.000.000 đồng tiền lãi trước đó. Chị đồng ý trả cho chị Yến E, nhưng xin trả dần mỗi tháng cho đến khi hết nợ.

Xét thấy: Biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022 thể hiện bà Đ mượn tiền của chị Yến E số tiền 350.000.000 đồng, cuối biên nhận người nhận tiền là bà Đ đánh dấu chéo và chị Bước E1 có ký tên nhưng có ghi nội dung: “con ký phụ mẹ”, không có chữ ký của ông Võ Văn B. Nguyên đơn chị Yến E cho rằng bị đơn bà Đ mượn tiền để xoay sở kinh tế gia đình, nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà Đ sử dụng số tiền vay để nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 40) chị Yến E xác định trong Biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022 ông B không có ký tên. Bà Đ và chị Bước E1 xác định: Bà Đ và ông B sống chung vợ chồng với nhau, không có đăng ký kết hôn, nhưng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay (Bút lục 51, 52). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ và chị Bước E1 đều xác nhận: Bà Đ và ông B sống chung vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và đã ly thân; chị Bước E1 sử dụng số tiền vay của chị Yến E; bà Đ không có sử dụng số tiền vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; đồng thời bà Đ cũng thừa nhận đến nay chưa có quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án tuyên bố cho bà Đ và ông B ly hôn hoặc tuyên bố ông B và bà Đ không phải là vợ chồng. Chị Bước E1 đồng ý một mình trả tiền vay cho chị Yến E; nhưng không được chị Yến E đồng ý. Tại Đơn khởi kiện và Tờ tự khai đề ngày 27/3/2023 (Bút lục 04, 03), nguyên đơn chị Hồ Thị Yến E trình bày: Do bà Đ không biết chữ nên chị Bước E1 có ký xác nhận và bảo lãnh việc bà Đ mượn chị số tiền 350.000.000 đồng. Tại đơn xin

vắng mặt tại phiên toà phúc thẩm có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P, ông B có trình bày ông với bà D là vợ chồng nhưng đã ly thân 10 năm nay, hợp đồng vay tài sản của bà D với chị Yến E ông không biết và không có ký tên trong hợp đồng vay. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B liên đới với bà D, chị B1 Em trả tiền vốn vay và tiền lãi cho chị Yến E, là không có căn cứ; chỉ có căn cứ buộc bà D và chị Bước E1 liên đới trả tiền vay cho chị Yến E.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Bước E1 và bà D chỉ đồng ý trả tiền vốn vay 350.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi cho chị Yến E và xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị Yến E không đồng ý.

Xét thấy: Chị Bước E1 và bà D thừa nhận hai bên có thỏa thuận trả lãi, nhưng không thống nhất về lãi suất; đồng thời cũng thừa nhận từ tháng 6/2022 cho đến nay chưa trả lãi cho chị Yến E. Chị Bước E1 cho rằng đã trả lãi rất nhiều cho chị Yến E nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh; chị Yến E không thừa nhận có nhận tiền lãi do chị Bước E1 trả. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Yến E yêu cầu bà D, chị Bước E1 liên đới trả tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Xét thấy: Biên nhận mượn tiền ngày 10/7/2022, không ghi ngày 10/7/2022 là ngày âm lịch. Tuy nhiên, án sơ thẩm tính lãi từ ngày 07-8-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/8/2023) là 12 tháng, là có căn cứ. Chị Yến E yêu cầu tính lãi với mức lãi suất là 1,66%/ tháng, là phù hợp pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D và chị Võ Thị Bước E1, là có căn cứ 01 phần được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc bà D, chị Bước E1 liên đới trả cho chị Yến E số tiền vốn gốc và lãi là 419.720.000 đồng (350.000.000 đồng + 69.720.000 đồng = 419.720.000 đồng).

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D và chị Bước E1 có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Yến E số tiền vốn gốc và lãi là 419.720.000 đồng, nên phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bà D là người cao tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn án phí, cho nên căn cứ vào Điều 2 Luật Người cao tuổi và Điều 12, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà D. Chị Võ Thị Bước E1 phải chịu 10.394.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4.1] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà D và chị Bước E1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Đ** và chị **Võ Thị Bước E1**.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 81/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Hồ Thị Yến E**.

Buộc bà **Nguyễn Thị Đ**, chị **Võ Thị Bước E1** liên đới trả cho bà **Hồ Thị Yến E** số tiền 419.720.000 đồng (*bốn trăm mười chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị Đ**.

Buộc chị **Võ Thị Bước E1** phải chịu 10.394.400 đồng (Mười triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà **Hồ Thị Yến E** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.912.000 đồng (*chín triệu chín trăm mười hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020020 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Đ** và chị **Võ Thị Bước E1** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại bà **Đ** số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020218 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

Hoàn lại cho chị **Võ Thị Bức E1** số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020217 ngày 06/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện TP;
 - CCTHADS huyện TP;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2024-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt T